

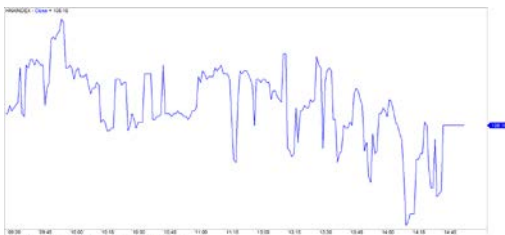
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	987.59	105.16	56.93
% ngày	-0.49%	-0.05%	-0.38%
% tuần	-1.03%	0.37%	-0.02%
% tháng	1.02%	4.17%	-0.30%
% năm	-3.52%	-9.56%	4.36%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	4,359	346	205
TB 1 tuần	4,331	351	237
TB 1 tháng	4,000	371	259
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	256.07	9.03	55.91
Bán	521.73	13.54	51.75
Giá trị ròng	-265.67	-4.51	4.16
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	129	75	175
Mã Giảm	157	64	115
Không Đổi	100	229	609
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	16.76	9.32	18.72
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,365	192	979
LS Cổ tức	1.38%	3.89%	5.29%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

## VNINDEX



## HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường xóa bỏ gần hết mức tăng của phiên liền trước. Cụ thể, chỉ số VN-Index giảm 0.49% dừng tại 987.59 điểm. Chỉ số HNX-Index giảm nhẹ 0.05% neo tại 105.16. Chỉ số Upcom-Index tương tự cũng mất 0.39% chốt tại 56.93 điểm. Giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường đạt mức 3,700 tỷ đồng.

Áp lực bán phiên cuối tuần vẫn “đeo bám” ở nhóm bluechip khiến VN30-Index giảm tới 0.71%. Mặc dù vậy, độ rộng thị trường không quá tiêu cực khi hệ số mã tăng/mã giảm trên HSX là 136 mã tăng so với 171 mã giảm. REE(-3.1%), BVH(-2.3%), CTG(-1.9%), BID(-1.8%), MWG(-1.7%)... là các mã có mức giảm mạnh nhất trong rổ VN30. Nhóm Ngân hàng phân hóa mạnh khi mỗi VCB duy trì xung lực tăng với mức tăng 1.2% đóng cửa tại 83,000 đồng/cp. Nhóm Dầu khí có phiên giảm khá sâu khi GAS(-1.5%), PLX(-3.3%), PVD(-2.9%). Nhóm Mid-Cap và Small-Cap giao dịch tích cực hơn thị trường chung với các đại diện TGG(+7%), DIC(+6.6%), CII(+6.3%), HSG(+3.8%), LCG(+3.6%)...

Khối ngoại bán ròng phiên thứ 8 liên tiếp với tổng giá trị 262 tỷ đồng trên toàn thị trường. LIX dẫn đầu danh sách bán ròng với 69.7 tỷ đồng theo sâu bởi HPG, VRE lần lượt 46.6 và 31.5 tỷ đồng. Ở chiều mua, VCB, CII được mua ròng tích cực nhất nhưng chỉ 13.7 tỷ và 10 tỷ đồng.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể sẽ “sideways” quanh ngưỡng 988 điểm trong các phiên giao dịch đầu tuần tới và thanh khoản có thể sẽ sụt giảm do tâm lý thận trọng trở lại. Đồng thời, mức độ phân hóa có thể sẽ diễn ra khi dòng tiền có thể sẽ hướng vào nhóm cổ phiếu Midcaps và Smallcaps, đặc biệt là dòng bất động sản. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm và cân bằng cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là ưu tiên hạ tỷ trọng cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên các chỉ số chính với mức hỗ trợ ở mức 985.90 điểm của chỉ số VN-Index và 103.16 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể xem xét cơ cấu lại danh mục để đưa tỷ trọng cổ phiếu về mức cân bằng.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 50% cổ phiếu/50% tiền.**

**Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 48% cổ phiếu/52% tiền.**

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	988	1,000	976	953
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	102.5	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>TĂNG</b>	835	845	822	804

We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.20	GIẢM	GIẢM		15.76				17.22		
ACB	23.60	GIẢM	GIẢM		24.15				23.85		
ACV	75.50	TĂNG	GIẢM	75.80	72.72	-0.40%			83.54		
ANV	25.70	TĂNG	GIẢM	25.90	25.15	-0.77%			27.58		
ASM	7.50	TĂNG	TĂNG	6.30	7.14	19.05%		7.61	6.46	-1.45%	
BFC	15.10	GIẢM	GIẢM		15.26				16.69		
BID	40.50	TĂNG	TĂNG	32.65	39.35	24.04%		33.40	36.62	21.26%	
BMP	53.20	TĂNG	TĂNG	51.80	50.49	2.70%		48.30	45.90	10.14%	
BSR	9.10	GIẢM	GIẢM	10.10	9.14	-9.52%	BÁN		10.51		
BVH	72.80	GIẢM	GIẢM	74.80	72.82	-2.65%	BÁN		79.61		
BWE	26.05	TĂNG	TĂNG	26.65	25.80	-2.25%		20.00	25.45	30.25%	
CEO	10.00	TĂNG	GIẢM	10.30	9.79	-2.91%			11.06		
CII	24.45	TĂNG	TĂNG	21.40	21.98	14.25%		24.45	22.49	0.00%	MUA
CMG	38.00	GIẢM	TĂNG		38.67			23.20	34.96	63.79%	
CMX	23.50	GIẢM	GIẢM		25.26				32.25		
CSM	14.95	GIẢM	TĂNG		15.10			14.39	14.22	3.89%	
CTD	91.20	GIẢM	GIẢM		97.16				104.50		
CTG	20.60	GIẢM	GIẢM	20.85	20.63	-1.04%	BÁN		21.90		
CTG	20.60	GIẢM	GIẢM	20.85	20.63	-1.04%	BÁN		21.90		
CTR	48.30	TĂNG	N/A	46.50	43.39	3.87%		-	N/A		
CVT	23.50	TĂNG	TĂNG	21.25	22.27	10.59%		20.35	19.04	15.48%	
DCM	7.46	GIẢM	TĂNG		7.57			8.54	7.15	-12.65%	
DGC	27.30	TĂNG	GIẢM	27.80	26.08	-1.80%			30.50		
DGW	25.20	TĂNG	TĂNG	24.60	23.68	2.44%		23.50	22.12	7.23%	
DHA	30.05	GIẢM	GIẢM		32.81				34.96		
DHC	34.70	TĂNG	GIẢM	33.00	33.48	5.15%			35.33		
DHG	91.80	GIẢM	GIẢM	93.50	91.82	-1.80%	BÁN		99.56		
DIG	14.75	TĂNG	TĂNG	14.25	14.26	3.51%		13.90	12.65	6.12%	
DPG	47.70	TĂNG	GIẢM	47.20	44.16	1.06%			50.61		
DPM	14.15	TĂNG	GIẢM	13.60	13.11	4.04%			14.62		
DPR	36.70	GIẢM	GIẢM		38.03				41.63		
DQC	18.20	GIẢM	GIẢM		18.62				20.25		
DRC	23.75	GIẢM	TĂNG		24.08			21.60	21.23	9.95%	
DXG	16.70	TĂNG	TĂNG	16.15	16.52	3.41%		15.50	14.48	7.74%	
EIB	16.90	GIẢM	GIẢM		17.23				18.05		

We Create Fortune

FCN	12.60	TĂNG	GIẢM	12.65	12.31	-0.40%		13.36		
FMC	26.90	GIẢM	TĂNG		27.65		31.60	26.18	-14.87%	
FPT	56.80	TĂNG	TĂNG	45.20	55.95	25.66%		46.00	52.65	23.48%
GAS	100.50	GIẢM	GIẢM		106.43			109.55		
GEX	22.10	GIẢM	TĂNG		22.58		20.20	20.77	9.41%	
GIL	20.05	TĂNG	GIẢM	21.00	19.51	-4.52%		23.08		
GMD	27.45	TĂNG	TĂNG	27.95	27.01	-1.79%		28.50	26.02	-3.68%
GTN	19.20	GIẢM	TĂNG		19.88		15.00	17.31	28.00%	
GVR	13.90	GIẢM	N/A		14.42			N/A		
HAG	4.57	GIẢM	GIẢM		4.67			5.11		
HAX	18.20	TĂNG	GIẢM	18.35	16.77	-0.82%		21.33		
HBC	14.25	TĂNG	GIẢM	13.70	13.95	4.01%		15.19		
HCM	23.20	GIẢM	TĂNG	22.15	23.34	5.38%	BÁN	23.40	21.08	-0.85%
HDB	27.50	TĂNG	GIẢM	26.30	27.30	4.56%		27.71		
HDC	23.70	TĂNG	TĂNG	22.15	21.24	7.00%		15.25	18.89	55.41%
HDG	36.30	TĂNG	TĂNG	35.50	34.58	2.25%		35.30	32.61	2.83%
HNG	15.20	GIẢM	GIẢM		16.16			18.04		
HPG	21.35	GIẢM	GIẢM		22.38			23.96		
HSG	7.36	TĂNG	GIẢM	6.86	6.69	7.29%		7.42		
HT1	16.10	TĂNG	GIẢM	15.90	14.81	1.26%		16.70		
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.21	-4.17%		2.71		
HVN	33.15	GIẢM	GIẢM		34.04			37.00		
KBC	15.00	GIẢM	TĂNG		15.40		15.35	14.37	-2.28%	
KDH	25.20	TĂNG	TĂNG	22.90	24.97	10.04%		24.00	23.60	5.00%
KSB	21.85	GIẢM	TĂNG		22.62		23.90	21.11	-8.58%	
LCG	10.15	TĂNG	GIẢM	9.60	9.35	5.73%		10.47		
LDG	11.35	TĂNG	TĂNG	8.18	10.17	38.75%		9.89	8.90	14.76%
LHG	16.45	GIẢM	GIẢM		16.91			18.44		
LPB	7.30	GIẢM	GIẢM		7.65			8.25		
LSS	4.99	GIẢM	GIẢM		5.18			5.62		
MBB	22.65	TĂNG	TĂNG	22.20	22.31	2.03%	21.85	20.62	3.66%	
MPC	25.10	GIẢM	GIẢM		27.29			31.17		
MSN	77.40	GIẢM	GIẢM		79.87			81.93		
MSR	16.50	GIẢM	GIẢM		17.88			18.90		
MWG	123.00	TĂNG	TĂNG	122.40	121.90	0.49%	88.70	113.79	38.67%	
NDN	16.90	GIẢM	TĂNG		17.61		13.70	16.27	23.36%	
NKG	5.75	GIẢM	GIẢM		5.83			6.48		
NLG	29.00	TĂNG	TĂNG	28.60	27.53	1.40%	28.70	26.73	1.05%	
NT2	23.75	GIẢM	GIẢM		24.54			25.92		

We Create Fortune

NTL	22.40	GIẢM	GIẢM		23.77			26.18		
NVL	63.60	TĂNG	TĂNG	64.00	61.40	-0.62%		63.00	56.68	0.95%
OIL	10.70	GIẢM	GIẢM		11.42			12.17		
PAC	29.50	TĂNG	GIẢM	28.70	28.30	2.79%		31.05		
PC1	19.70	GIẢM	TĂNG		21.45		21.10	18.48	-6.64%	
PDR	26.05	GIẢM	TĂNG		26.57		29.00	25.01	-10.17%	
PHR	60.80	TĂNG	GIẢM	60.40	57.51	0.66%		65.37		
PLX	58.00	GIẢM	GIẢM		61.24		62.40	59.59	-4.50%	BÁN
PNJ	80.30	GIẢM	TĂNG		82.93		104.00	78.69	-22.79%	
POW	12.85	TĂNG	GIẢM	12.90	12.34	-0.39%		13.98		
PVT	16.80	GIẢM	TĂNG		17.92		18.30	16.28	-8.20%	
PPC	26.10	TĂNG	GIẢM	26.50	25.18	-1.51%		28.66		
PTB	70.40	TĂNG	TĂNG	69.70	68.05	1.00%	64.00	64.57	10.00%	
PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		20.28		20.10	18.62	-5.47%	
PVD	17.00	GIẢM	TĂNG		18.27		18.10	15.96	-6.08%	
PVI	33.60	GIẢM	GIẢM		34.64			37.43		
PVS	18.90	TĂNG	GIẢM	20.70	18.60	-8.70%		21.78		
PXS	4.44	GIẢM	GIẢM		4.77			5.90		
QNS	29.70	GIẢM	TĂNG		30.16		33.80	27.80	-12.13%	
REE	37.40	GIẢM	TĂNG	37.15	37.65	1.34%	BÁN	33.33	35.23	12.23%
SAB	258.00	GIẢM	TĂNG		270.34		245.00	257.56	5.31%	
SAM	7.85	TĂNG	TĂNG	7.99	7.58	-1.75%	7.40	7.47	6.08%	
SCR	6.45	GIẢM	GIẢM		6.67			7.01		
SHI	9.30	GIẢM	TĂNG		9.46		6.99	8.30	33.05%	
SJS	16.10	GIẢM	GIẢM		17.05		-	18.93		
SKG	10.80	GIẢM	GIẢM		11.38			12.13		
SSI	21.60	TĂNG	GIẢM	21.65	21.42	-0.23%		22.27		
STB	10.40	TĂNG	GIẢM	10.55	10.28	-1.42%		11.09		
TCB	23.60	TĂNG	TĂNG	22.65	22.97	4.19%	22.65	20.86	4.19%	
TCM	23.80	TĂNG	GIẢM	23.00	22.13	3.48%		25.52		
TDH	11.80	TĂNG	TĂNG	9.40	10.64	25.53%	10.15	9.80	16.26%	
TLH	4.46	GIẢM	GIẢM		4.65			4.99		
TNG	18.40	GIẢM	GIẢM		18.80			20.81		
VCB	83.00	TĂNG	TĂNG	80.00	79.40	3.75%	62.00	74.69	33.87%	
VCG	26.50	TĂNG	TĂNG	27.00	25.91	-1.85%	19.20	24.08	38.02%	
VCS	106.10	TĂNG	TĂNG	87.80	102.46	20.84%	68.00	87.76	56.03%	
VGC	19.15	TĂNG	GIẢM	19.25	19.15	-0.52%		20.53		
VGT	9.10	TĂNG	GIẢM	8.90	8.63	2.25%		9.82		
VHC	81.50	TĂNG	GIẢM	80.80	79.90	0.87%		87.51		



We Create Fortune

VHM	89.20	TĂNG	TĂNG	87.30	87.12	2.18%		90.20	80.36	-1.11%	
VIB	18.40	TĂNG	TĂNG	18.20	17.54	1.10%		17.70	16.40	3.95%	
VIC	118.00	GIẢM	TĂNG		120.83			112.00	113.76	5.36%	
VIP	5.08	TĂNG	GIẢM	5.15	4.95	-1.36%			5.48		
VJC	137.60	GIẢM	TĂNG		139.00			124.50	130.27	10.52%	
VND	14.10	TĂNG	GIẢM	14.10	14.00	0.00%			15.06		
VNG	21.75	TĂNG	TĂNG	19.10	21.20	13.87%		20.20	19.69	7.67%	
VNM	128.60	TĂNG	TĂNG	124.00	126.17	3.71%		130.10	117.81	-1.15%	
VPB	22.30	TĂNG	TĂNG	19.10	21.74	16.75%		20.30	19.79	9.85%	
VPI	41.20	GIẢM	TĂNG	42.20	41.24	-2.28%	BÁN	41.30	39.68	-0.24%	
VRC	15.60	GIẢM	GIẢM		16.07				16.26		
VRE	31.90	GIẢM	GIẢM		32.82				36.35		
VSC	27.05	GIẢM	GIẢM		28.33				30.94		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.60	GIẢM	GIẢM		24.15				23.85		
BID	40.50	TĂNG	TĂNG	32.65	39.35	24.04%		33.40	36.62	21.26%	
BSR	9.10	GIẢM	GIẢM	10.10	9.14	-9.52%	BÁN		10.51		
BVH	72.80	GIẢM	GIẢM	74.80	72.82	-2.65%	BÁN		79.61		
CTG	20.60	GIẢM	GIẢM	20.85	20.63	-1.04%	BÁN		21.90		
EIB	16.90	GIẢM	GIẢM		17.23				18.05		
FPT	56.80	TĂNG	TĂNG	45.20	55.95	25.66%		41.00	52.65	38.55%	
GAS	100.50	GIẢM	GIẢM		106.43				109.55		
HDB	27.50	TĂNG	GIẢM	26.30	27.30	4.56%			27.71		
HNG	15.20	GIẢM	GIẢM		16.16				18.04		
HPG	21.35	GIẢM	GIẢM		22.38				23.96		
HVN	33.15	GIẢM	GIẢM		34.04				37.00		
KDH	25.20	TĂNG	TĂNG	22.90	24.97	10.04%		24.00	23.60	5.00%	
MBB	22.65	TĂNG	TĂNG	22.20	22.31	2.03%		21.27	20.62	6.48%	
MSN	77.40	GIẢM	GIẢM		79.87				81.93		
MWG	123.00	TĂNG	TĂNG	122.40	121.90	0.49%		88.70	113.79	38.67%	
NVL	63.60	TĂNG	TĂNG	64.00	61.40	-0.62%		63.00	56.68	0.95%	
OIL	10.70	GIẢM	GIẢM		11.42				12.17		
PLX	58.00	GIẢM	GIẢM		61.24			59.97	59.59	-0.63%	BÁN
PNJ	80.30	GIẢM	TĂNG		82.93			77.88	78.69	3.11%	

We Create Fortune

POW	12.85	TĂNG	GIẢM	12.90	12.34	-0.39%			13.98		
PVS	18.90	TĂNG	GIẢM	20.70	18.60	-8.70%			21.78		
QNS	29.70	GIẢM	TĂNG		30.16			33.80	27.80	-12.13%	
REE	37.40	GIẢM	TĂNG	37.15	37.65	1.34%	BÁN	33.33	35.23	12.23%	
ROS	26.00	TĂNG	GIẢM	27.50	25.24	-5.45%			29.25		
SSI	21.60	TĂNG	GIẢM	21.65	21.42	-0.23%			22.27		
STB	10.40	TĂNG	GIẢM	10.55	10.28	-1.42%			11.09		
TCB	23.60	TĂNG	TĂNG	22.65	22.97	4.19%		22.65	20.86	4.19%	
TPB	22.40	TĂNG	GIẢM	22.70	21.57	-1.32%			N/A		
VCB	83.00	TĂNG	TĂNG	80.00	79.40	3.75%		62.00	74.69	33.87%	
VCG	26.50	TĂNG	TĂNG	27.00	25.91	-1.85%		18.44	24.08	43.70%	
VEA	54.90	TĂNG	GIẢM	55.20	53.83	-0.54%			N/A		
VGI	32.80	GIẢM	GIẢM		33.18				N/A		
VHM	89.20	TĂNG	TĂNG	87.30	87.12	2.18%		90.20	80.36	-1.11%	
VIB	18.40	TĂNG	TĂNG	18.20	17.54	1.10%		17.70	16.40	3.95%	
VIC	118.00	GIẢM	TĂNG		120.83			112.00	113.76	5.36%	
VJC	137.60	GIẢM	TĂNG		139.00			124.50	130.27	10.52%	
VNM	128.60	TĂNG	TĂNG	124.00	126.17	3.71%		130.10	117.81	-1.15%	
VPB	22.30	TĂNG	TĂNG	19.10	21.74	16.75%		20.30	19.79	9.85%	
VRE	31.90	GIẢM	GIẢM		32.82				36.35		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.20	GIẢM	GIẢM		15.76				17.22		
ANV	25.70	TĂNG	GIẢM	25.90	25.15	-0.77%			27.58		
ASM	7.50	TĂNG	TĂNG	6.30	7.14	19.05%		7.61	6.46	-1.45%	
BMP	53.20	TĂNG	TĂNG	51.80	50.49	2.70%		48.30	45.90	10.14%	
BWE	26.05	TĂNG	TĂNG	26.65	25.80	-2.25%		19.44	25.45	34.00%	
C4G	6.20	GIẢM	GIẢM		6.95				8.39		
CEO	10.00	TĂNG	GIẢM	10.30	9.79	-2.91%			11.06		
CII	24.45	TĂNG	TĂNG	21.40	21.98	14.25%		24.45	22.49	0.00%	MUA
CRE	24.85	GIẢM	GIẢM		25.26				25.96		
CTI	25.05	TĂNG	TĂNG	24.00	23.53	4.38%		25.05	24.64	0.00%	MUA
CTR	48.30	TĂNG	#N/A	46.50	43.39	3.87%		-	#N/A		
DCM	7.46	GIẢM	TĂNG		7.57			8.54	7.15	-12.65%	
DHC	34.70	TĂNG	GIẢM	33.00	33.48	5.15%			35.33		

We Create Fortune

DIG	14.75	TĂNG	TĂNG	14.25	14.26	3.51%		13.90	12.65	6.12%	
DPM	14.15	TĂNG	GIẢM	13.60	13.11	4.04%			14.62		
DRC	23.75	GIẢM	TĂNG		24.08			21.60	21.23	9.95%	
DXG	16.70	TĂNG	TĂNG	16.15	16.52	3.41%		15.50	14.48	7.74%	
E1VFN30	15.22	TĂNG	TĂNG	14.62	15.12	4.10%		15.26	14.43	-0.26%	
FCN	12.60	TĂNG	GIẢM	12.65	12.31	-0.40%			13.36		
FLC	3.50	GIẢM	GIẢM		3.69				4.02		
FTM	4.15	TĂNG	GIẢM	3.88	3.12	6.96%			6.96		
GEG	27.20	GIẢM	TĂNG		28.23			12.90	24.99	110.85%	
GEX	22.10	GIẢM	TĂNG		22.58			20.20	20.77	9.41%	
GMD	27.45	TĂNG	TĂNG	27.95	27.01	-1.79%		28.50	26.02	-3.68%	
GTN	19.20	GIẢM	TĂNG		19.88			15.00	17.31	28.00%	
GVR	13.90	GIẢM	#N/A		14.42			-	#N/A		
HAG	4.57	GIẢM	GIẢM		4.67				5.11		
HBC	14.25	TĂNG	GIẢM	13.70	13.95	4.01%			15.19		
HCM	23.20	GIẢM	TĂNG	22.15	23.34	5.38%	BÁN	23.40	21.08	-0.85%	
HDG	36.30	TĂNG	TĂNG	35.50	34.58	2.25%		35.30	32.61	2.83%	
HPX	26.40	GIẢM	#N/A		26.96			-	#N/A		
HSG	7.36	TĂNG	GIẢM	6.86	6.69	7.29%			7.42		
HT1	16.10	TĂNG	GIẢM	15.90	14.81	1.26%			16.70		
IBC	20.50	GIẢM	GIẢM		20.57				21.22		
IDI	7.02	GIẢM	TĂNG		7.47			7.53	6.22	-6.77%	
IJC	16.15	TĂNG	TĂNG	15.70	14.47	2.87%		13.10	13.12	23.28%	
ITA	3.22	TĂNG	TĂNG	3.29	3.09	-2.13%		3.20	2.96	0.63%	
KBC	15.00	GIẢM	TĂNG		15.40			15.35	14.37	-2.28%	
KSB	21.85	GIẢM	TĂNG		22.62			23.90	21.11	-8.58%	
LDG	11.35	TĂNG	TĂNG	8.18	10.17	38.75%		9.89	8.90	14.76%	
LPB	7.30	GIẢM	GIẢM		7.65				8.25		
MBS	14.80	GIẢM	TĂNG		15.71			16.00	14.25	-7.50%	
MPC	25.10	GIẢM	GIẢM		27.29				31.17		
NBB	21.30	TĂNG	GIẢM	20.85	19.83	2.16%			22.02		
NKG	5.75	GIẢM	GIẢM		5.83				6.48		
NLG	29.00	TĂNG	TĂNG	28.60	27.53	1.40%		28.70	26.73	1.05%	
NT2	23.75	GIẢM	GIẢM		24.54				25.92		
NTC	166.00	TĂNG	GIẢM	168.90	157.51	-1.72%			189.63		
NTL	22.40	GIẢM	GIẢM		23.77				26.18		
NVB	8.60	TĂNG	TĂNG	7.60	7.87	13.16%		8.50	6.97	1.18%	
OGC	3.81	GIẢM	GIẢM		3.99				4.31		



We Create Fortune

PC1	19.70	GIẢM	TĂNG		21.45			19.30	18.48	2.07%	
PDR	26.05	GIẢM	TĂNG		26.57			23.60	25.01	10.40%	
PHR	60.80	TĂNG	GIẢM	60.40	57.51	0.66%			65.37		
PPC	26.10	TĂNG	GIẢM	26.50	25.18	-1.51%			28.66		
PTB	70.40	TĂNG	TĂNG	69.70	68.05	1.00%		60.78	64.57	15.83%	
PVD	17.00	GIẢM	TĂNG		18.27			18.10	15.96	-6.08%	
PVI	33.60	GIẢM	GIẢM		34.64				37.43		
PVT	16.80	GIẢM	TĂNG		17.92			18.30	16.28	-8.20%	
QCG	4.49	GIẢM	GIẢM		4.75				5.28		
SAM	7.85	TĂNG	TĂNG	7.99	7.58	-1.75%		7.40	7.47	6.08%	
SBT	17.75	TĂNG	TĂNG	16.50	17.42	7.58%		17.50	16.44	1.43%	
SCR	6.45	GIẢM	GIẢM		6.67				7.01		
SHB	6.50	TĂNG	GIẢM	6.60	6.36	-1.52%			6.86		
SHS	8.60	TĂNG	TĂNG	7.40	7.93	16.22%		8.40	6.61	2.38%	
SJS	16.10	GIẢM	GIẢM		17.05				18.93		
STK	19.05	GIẢM	GIẢM		19.64				23.26		
SZC	18.65	GIẢM	#N/A		19.76			-	#N/A		
TCH	23.90	TĂNG	TĂNG	22.05	22.96	8.39%		22.50	21.53	6.22%	
TCM	23.80	TĂNG	GIẢM	23.00	22.13	3.48%			25.52		
TNG	18.40	GIẢM	GIẢM		18.80				20.81		
TTB	23.10	GIẢM	TĂNG		23.55			24.50	22.71	-5.71%	
VCI	34.60	TĂNG	TĂNG	34.50	33.85	0.29%		36.00	30.89	-3.89%	
VGT	9.10	TĂNG	GIẢM	8.90	8.63	2.25%			9.82		
VHC	81.50	TĂNG	GIẢM	80.80	79.90	0.87%			87.51		
VND	14.10	TĂNG	GIẢM	14.10	14.00	0.00%			15.06		
VNG	21.75	TĂNG	TĂNG	19.10	21.20	13.87%		20.20	19.69	7.67%	
VPI	41.20	GIẢM	TĂNG	42.20	41.24	-2.28%	BÁN	41.30	39.68	-0.24%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.10	GIẢM	#N/A		9.58			16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.38	TĂNG	TĂNG	4.55	4.21	-3.74%		3.99	4.34	9.77%	
AMD	1.50	GIẢM	GIẢM		1.56				1.75		
APG	8.75	GIẢM	TĂNG		9.34			9.90	7.90	-11.62%	
ART	2.00	TĂNG	GIẢM	2.00	1.76	0.00%			2.25		
BCC	7.40	GIẢM	GIẢM		7.79				8.55		

We Create Fortune

BCG	7.80	GIẢM	TĂNG		8.84			6.39	7.30	22.07%	
C69	28.70	TĂNG	TĂNG	18.30	25.54	56.83%		5.30	22.95	441.51%	
CCL	8.00	GIẢM	GIẢM		8.94			3.46	8.93	158.03%	BÁN
CRC	14.60	GIẢM	GIẢM		15.87			18.90	15.04	-20.40%	BÁN
CVT	23.50	TĂNG	TĂNG	21.25	22.27	10.59%		20.35	19.04	15.48%	
DAG	6.38	GIẢM	TĂNG		6.77			7.09	6.22	-10.01%	
DAH	9.80	GIẢM	GIẢM		10.21				12.06		
DGW	25.20	TĂNG	TĂNG	24.60	23.68	2.44%		23.50	22.12	7.23%	
DLG	1.49	GIẢM	GIẢM		1.58				1.65		
DRH	7.11	GIẢM	GIẢM		7.48				7.76		
DTD	15.00	GIẢM	TĂNG		16.12			12.90	14.20	16.28%	
EVG	2.61	TĂNG	GIẢM	2.80	2.58	-6.79%			2.99		
FIT	3.43	TĂNG	TĂNG	3.59	3.34	-4.46%		3.64	3.03	-5.77%	
GKM	15.10	TĂNG	GIẢM	15.00	14.73	0.67%			15.54		
HAH	14.25	GIẢM	TĂNG		14.97			13.00	13.89	9.62%	
HAI	1.62	GIẢM	GIẢM		1.65				1.85		
HAP	3.40	GIẢM	TĂNG		3.42			3.67	3.25	-7.36%	
HAR	3.71	TĂNG	GIẢM	3.56	3.57	4.21%			3.88		
HCD	3.43	TĂNG	GIẢM	3.56	3.33	-3.65%			3.95		
HDA	10.80	TĂNG	GIẢM	11.20	10.66	-3.57%			12.07		
HDC	23.70	TĂNG	TĂNG	22.15	21.24	7.00%		15.25	18.89	55.41%	
HHP	11.90	GIẢM	GIẢM		12.11				13.53		
HHS	3.16	TĂNG	GIẢM	3.04	3.02	3.95%			3.20		
HII	11.90	GIẢM	GIẢM		12.14				12.29		
HQC	1.14	GIẢM	GIẢM		1.14				1.32		
HSL	7.77	GIẢM	TĂNG		8.45			9.84	7.71	-21.04%	
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.21	-4.17%			2.71		
HVG	2.81	GIẢM	GIẢM		3.05				3.75		
HVH	18.25	GIẢM	#N/A		18.65				#N/A		
JVC	3.61	GIẢM	TĂNG		3.63			3.10	2.75	16.45%	
KLF	1.20	GIẢM	GIẢM		1.37				1.49		
KMR	2.52	GIẢM	GIẢM		2.61				2.87		
LCG	10.15	TĂNG	GIẢM	9.60	9.35	5.73%			10.47		
LGL	10.55	GIẢM	TĂNG		10.96			7.11	9.49	48.32%	
LHG	16.45	GIẢM	GIẢM		16.91				18.44		
LMH	13.70	GIẢM	#N/A		14.06			-	#N/A		
MST	3.50	TĂNG	TĂNG	2.80	3.21	25.00%		3.40	2.58	2.94%	
NDN	16.90	GIẢM	TĂNG		17.61			13.10	16.27	28.96%	
PHC	14.20	TĂNG	TĂNG	13.30	13.31	6.77%		14.20	13.46	0.00%	MUA



We Create Fortune

PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		20.28			20.10	18.62	-5.47%	
PVC	6.70	TĂNG	TĂNG	7.30	6.54	-8.22%		7.10	6.30	-5.63%	
PXL	4.80	GIẢM	GIẢM		5.26				6.42		
PXS	4.44	GIẢM	GIẢM		4.77				5.90		
QBS	3.11	GIẢM	GIẢM		3.20				3.36		
SFG	7.00	GIẢM	GIẢM		7.37				8.96		
SHI	9.30	GIẢM	TĂNG		9.46			6.23	8.30	49.21%	
SJF	2.43	GIẢM	GIẢM		2.67				3.30		
SKG	10.80	GIẢM	GIẢM		11.38				12.13		
TDH	11.80	TĂNG	TĂNG	9.40	10.64	25.53%		10.15	9.80	16.26%	
TIG	4.20	TĂNG	TĂNG	3.40	3.96	23.53%		3.20	3.12	31.25%	
TLD	4.49	GIẢM	GIẢM		4.86				5.81		
TLH	4.46	GIẢM	GIẢM		4.65				4.99		
TNI	10.45	TĂNG	GIẢM	10.30	10.13	1.46%			11.25		
TTF	2.87	GIẢM	GIẢM		2.89				3.34		
TTH	3.00	GIẢM	GIẢM		3.08				3.34		
TVB	16.00	GIẢM	GIẢM		17.03				18.55		
TVC	16.00	GIẢM	TĂNG	16.80	16.03	-4.57%	BÁN	14.30	14.38	11.89%	
VC3	23.40	TĂNG	TĂNG	23.20	22.93	0.86%		22.00	21.94	6.36%	
VCR	18.80	GIẢM	GIẢM		21.57				25.98		
VNE	3.35	TĂNG	GIẢM	3.35	3.25	0.00%			3.70		
VPG	22.80	TĂNG	TĂNG	21.40	22.27	6.54%		20.46	20.11	11.46%	
VRC	15.60	GIẢM	GIẢM		16.07				16.26		
YBM	6.65	GIẢM	GIẢM		7.40				11.71		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	987.59	-0.49%	HNI	105.16	-0.05%	UPCoM	56.93	-0.38%
VN30	915.16	-0.71%	HN30	191.28	-0.50%			
VN Mid	982.29	-0.30%	VNX	881.58	-0.52%			
VN Small	807.57	0.29%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	256.07		Mua	9.03		Mua	55.91	
Bán	521.73		Bán	13.54		Bán	51.75	
GT ròng	-265.67		GT ròng	-4.51		GT ròng	4.16	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PGD	2400	6.90%	HHC	4600	3.84%	PMW	3600	14.94%
HQC	70	6.54%	NVB	300	3.61%	HTM	900	5.96%
CII	1450	6.30%	NTP	1100	2.90%	VGT	300	3.41%
DPM	700	5.20%	DGC	600	2.25%	VGI	1000	3.14%
MSH	2700	4.76%	TNG	400	2.22%	VBB	300	2.04%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HCM	-1250	-5.11%	VCR	-1300	-6.47%	BSR	-100	-1.09%
DBD	-2800	-4.91%	MBG	-1600	-4.73%	ACV	-700	-0.92%
SSI	-801	-3.58%	VCS	-1700	-1.58%	MPC	-200	-0.79%
PLX	-2000	-3.33%	PVS	-300	-1.56%	VIB	-100	-0.54%
PAC	-1000	-3.28%	SHB	-100	-1.52%	SIP	-500	-0.51%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	394,820		ACB	38,263		ACV	164,520	
VCB	307,837		VCS	16,976		VGI	100,007	
VHM	298,777		VCG	11,705		VEA	72,994	
VNM	223,941		PVS	9,034		GVR	55,404	
GAS	192,352		SHB	7,820		MCH	52,164	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	21,239,500	21,007,022	TNG	2,499,414	835,952	VIB	2,102,803	949,655
LDG	16,251,751	2,830,827	PVS	2,290,510	2,302,911	HTM	1,265,341	346,834
SBT	14,174,320	4,188,645	ART	1,834,700	867,246	BSR	1,016,755	1,750,642
VGC	7,624,450	1,341,015	ACB	1,582,366	2,400,860	KSH	505,630	130,741
HSG	5,678,350	2,023,442	VCG	1,478,700	664,360	VGI	394,930	429,632

Nguồn: Bloomberg & YSVN

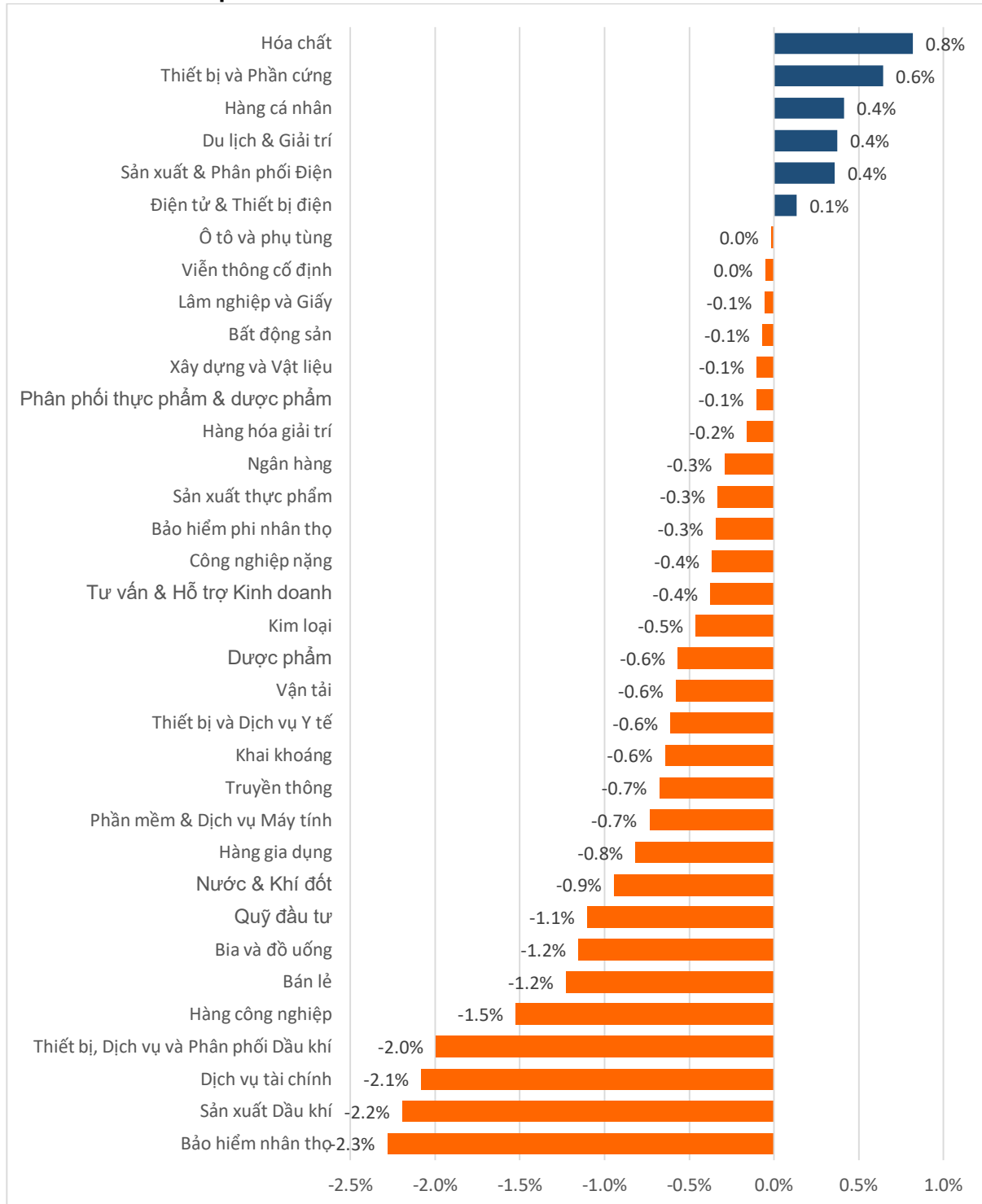
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



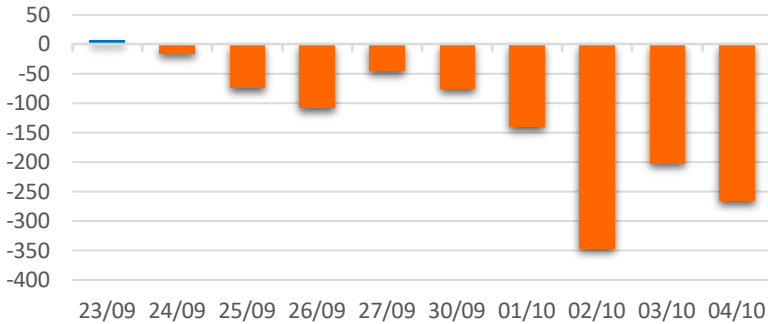
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

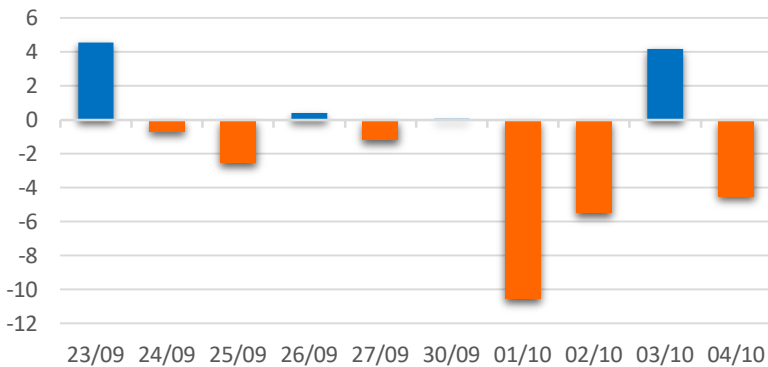
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>VCB</b>	13,722	<b>LIX</b>	69,753
<b>CII</b>	10,095	<b>HPG</b>	46,658
<b>VIC</b>	8,717	<b>VRE</b>	31,596
<b>BMP</b>	7,406	<b>VNM</b>	19,635
<b>PLX</b>	7,122	<b>VJC</b>	17,525

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

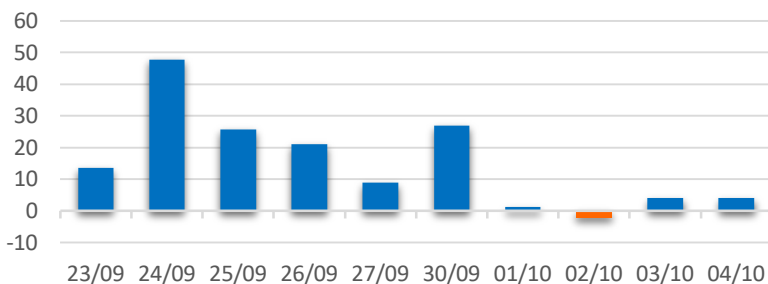
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>SHS</b>	1,555	<b>PVS</b>	5,960
<b>PVE</b>	206	<b>DHT</b>	389
<b>TIG</b>	160	<b>VCS</b>	367
<b>KLF</b>	120	<b>S74</b>	135
<b>NTP</b>	93	<b>DNP</b>	120

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>MCH</b>	4,943	<b>MPC</b>	3,497
<b>QNS</b>	3,149	<b>BSR</b>	2,444
<b>VEA</b>	1,633	<b>VTP</b>	404
<b>GVR</b>	846	<b>ASA</b>	75
<b>BCM</b>	338	<b>CTR</b>	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



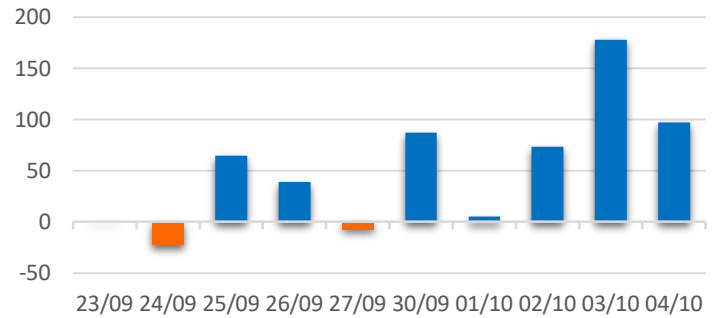
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

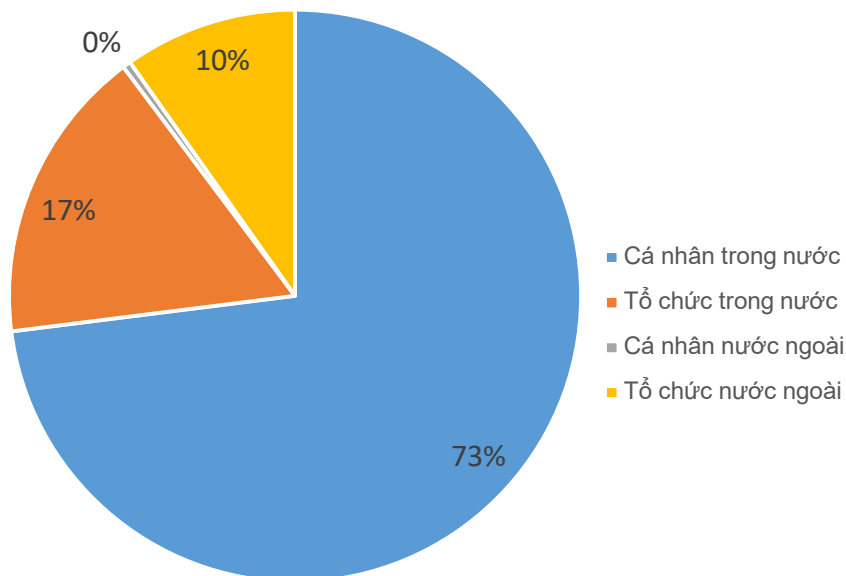
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VJC	69,961	EIB	17,750
E1VFN30	13,270	HDG	4,739
PLX	13,125	HPG	3,585
MBB	10,600	MWG	2,433
FPT	10,294	PHR	2,143

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

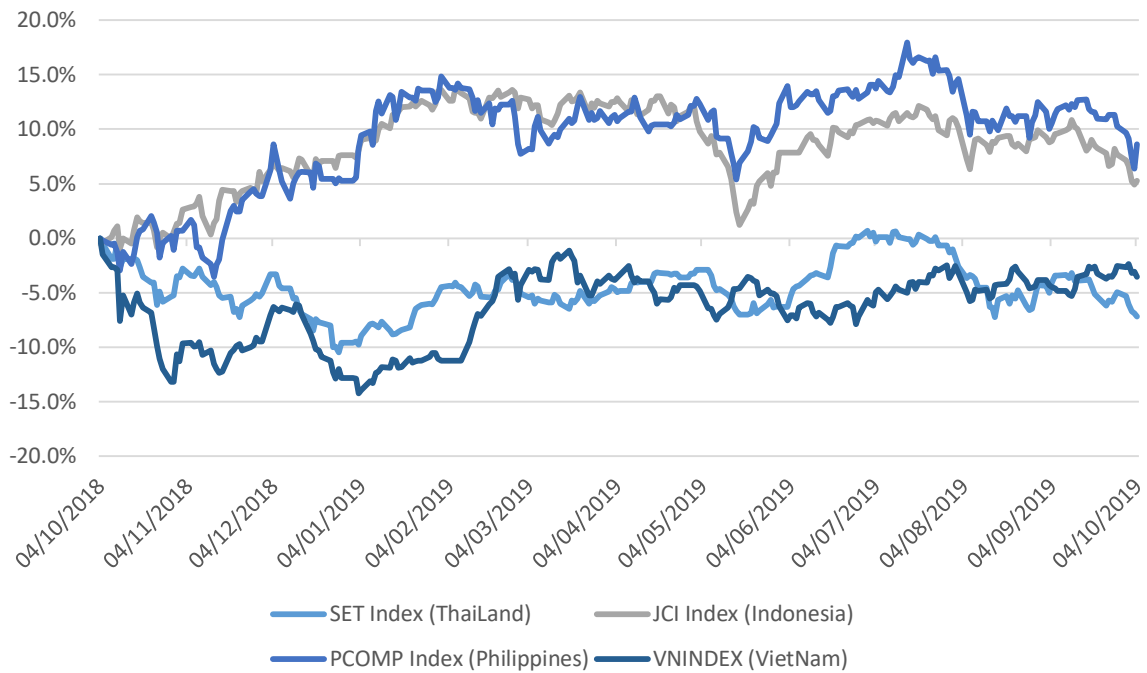


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

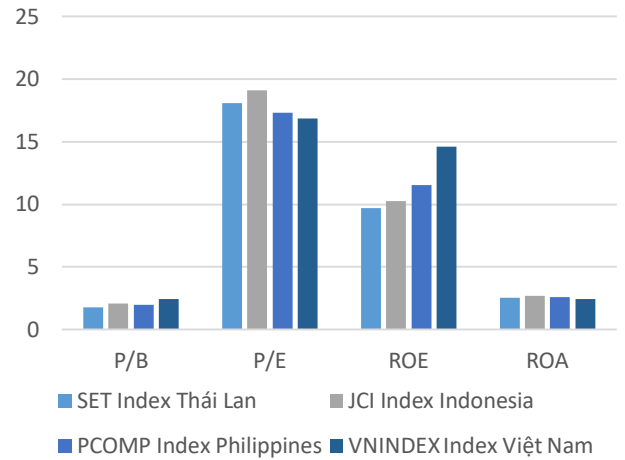
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.0x	2.4x
P/E		18.1x	19.1x	17.3x	16.8x
ROE	%	9.68	10.23	11.54	14.60
ROA	%	2.53	2.70	2.59	2.45
Vốn hóa	Tỷ USD	544.83	492.61	183.03	144.70
GTGD	Triệu USD	0.99	0.47	0.09	0.14
LS cổ tức	%	3.16	2.53	1.69	1.95

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn



We Create Fortune

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written